

Số: 15/2020/QĐST-DS

Ứng Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự T lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn :** Ngân hàng TMCP X (gọi tắt: P)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 16,23,24 Tòa nhà Mipeco, số 229 T, phường N, quận Đ, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đ1

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trần Huy H (*Theo Giấy uỷ quyền số 86/2020/UQ-GĐCNTL ngày 18/3/2020*).

***Bị đơn :** + Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1978

+ Chị Lê Thị P – sinh năm 1982

Đều có HKTT: Thôn T1, xã V, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.

***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Cháu Nguyễn Thị P1g – sinh ngày 17/6/2001

+ Cháu Nguyễn Trung T2 – sinh ngày 27/02/2003

+ Cháu Nguyễn Xuân K – sinh ngày 03/10/2016

Đều có HKTT: Thôn T1 xã V, huyện U, TP Hà Nội

(Anh T và chị P là người đại diện cho cháu T2, cháu K)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận nợ:

Bị đơn, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị P xác nhận ngày 19/8/2016 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 781.123/2016/HĐTD-CN/P TL với P để vay: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Anh T, chị P đã được P giải ngân

400.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số: 781.123/2016/LUNN-CN/P Thăng Long ngày 23/8/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và Khế ước trên, anh T, chị P đã trả được 41.132.979 đồng tiền nợ gốc cho P. Nay anh T, chị P xác nhận hiện còn nợ P số tiền tạm tính đến ngày 27/5/2020 cụ thể là: **534.441.834 đồng** (*Năm trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc 358.867.021 đồng, nợ lãi trong hạn 127.609.585 đồng, nợ lãi quá hạn 47.965.228 đồng.

2.2. Các bên thống nhất thỏa thuận về thời hạn và phương thức thanh toán cụ thể:

P và anh Nguyễn Văn T, chị Lê Thị P thỏa thuận thống nhất: anh T và chị P phải có trách nhiệm thanh toán cho P làm 03 kỳ, các kỳ thanh toán cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Đến ngày 30/7/2020, anh T, chị P phải có trách nhiệm thanh toán cho P 50.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 2: Đến ngày 30/8/2020, anh T, chị P phải có trách nhiệm thanh toán cho P 50.000.000đ tiền nợ gốc;

- Kỳ 3: Đến ngày 30/9/2020, anh T, chị P phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 434.441.834 đồng và tiền nợ lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 28/5/2020 theo theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 781.123/2016/HĐTD-CN/P TL ngày 19/8/2016 (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của P) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Toàn bộ số tiền anh T, chị P thanh toán, P thu vào nợ gốc trước.

Trường hợp anh T, chị P thanh toán toàn bộ khoản nợ cho P và có đơn xin miễn, giảm tiền lãi, P sẽ xem xét miễn, giảm tiền lãi và có nghĩa vụ phải giải chấp tài sản thế chấp cho anh T, chị P.

Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên thì P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho P, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 387, tờ bản đồ số 11 diện tích 109,6m² thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 537878, số vào sổ cấp GCN: CS-UH 00500 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 10/5/2016 đứng tên ông Nguyễn Văn T để thu hồi nợ cho P. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 001587/2016/HĐTC. Quyền số: 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/8/2016 tại Văn phòng công chứng Hùng Vương, TP Hà Nội.

Trường hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả P cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại

tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ghi nhận sự thỏa thuận của P với anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị P về án phí dân sự sơ thẩm. Anh T, chị P tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự 12.688.836 đồng; được giảm theo đơn hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.517.000 đồng (chín triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP X số tiền 12.040.000 đồng (Mười hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009506 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Bùi Thanh Minh